

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thới.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tám.

2. Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 543/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2020, về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST –HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T K L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 23 ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Tạm trú: Số 122 ấp 4, xã L, huyện C, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông H T C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

(Bà L có mặt tại phiên tòa, ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà N T K L trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Năm 1994 bà L và ông H T C tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2016 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã X, quyển số 06 ngày 26/01/2016.

Vợ chồng cưới về chung sống tại xã X, huyện Y có đảm bảo hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C uống rượu và đánh đập bà nhiều lần nhưng bà vẫn cố gắng chịu đựng cho đến tháng 11/2020, thì ông C lại tiếp tục đánh bà nữa nên bà đã bỏ về bên ruột sinh sống. Bà và ông C không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn lại tình cảm nên bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông C và yêu cầu được ly hôn.

Con chung: Bà và ông C chung sống không có con chung.

Tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng bà.

Bị đơn ông H T C vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai ngày 05/01/2021 trình bày như sau:

Ông xác nhận lời trình bày của Ln đúng về thời gian kết hôn, nguyên đơn mâu thuẫn vợ chồng. Ông thừa nhận là khi uống rượu về nhà có chửi bới, đánh đập bà L. Tuy nhiên, khi tỉnh rượu thì ông nhận thấy có lỗi với bà L. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020. Nay bà L kiên quyết ly hôn, ông C mong muốn xin đoàn tụ, vì còn thương vợ.

Về con chung: Ông và bà L chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Trường hợp, Tòa án cho ông và bà L ly hôn, thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ bà L cung cấp cho Tòa án gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Bà N T K L khởi kiện ly hôn với ông H T C; Địa chỉ ấp 5, xã X, huyện Y, tỉnh Z. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2]. Ông H T C đã được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa sơ thẩm **lần thứ hai** hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Bà L, ông C xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo qui định. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông C, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống và có đảm bảo hạnh phúc. Giữa các đương sự đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nhưng bà L cố gắng chịu đựng nhưng ông C không tôn trọng và có hành vi đánh đập bà L. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà L vẫn kiên quyết ly hôn với ông C. Ông C xác định vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án mở phiên tòa nhưng ông lại không đến nên xét thấy yêu cầu đoàn tụ của ông C không có căn cứ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông C. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho bà L được ly hôn với ông H T C.

[5]. Về nuôi con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N T K L phải chịu 300.000 đồng và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điểm a Khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N T K L đối với ông H T C.

1. Quan hệ vợ chồng: Bà N T K L được ly hôn với ông H T C.

2. Quan hệ con chung: Không có.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà N T K L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02667 ngày 21/12/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CAO THỊ THỜI